

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **268/2019/HS-ST**

Ngày: 19/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hải Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhạn

Ông Trần Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Nền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 186/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 362/2019/QĐ-HPT ngày 04 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm: 1995 tại Nghệ An

Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Đảng viên: Không, trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Phụ hồ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Họ và tên cha (không rõ); họ và tên mẹ bà Trần Thị N, sinh năm 1960.

Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 26/12/2018.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: A189, tổ 4, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Bá L, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1990

Địa chỉ: 203/6B, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo T có mặt; anh Đ, anh L, chị L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 04 giờ ngày 26/12/2018, khi đang làm thợ phụ hồ tại công trình xây dựng mở rộng Bệnh viện Nhi Đồng Nai, T đi ra bên hông bệnh viện để bơm nước thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ, biển số 60B4-479.57 của anh Nguyễn Minh Đ đang dựng trên lề đường trước nhà số 520 thuộc tổ 10, khu phố 5, phường T, thành phố B chìa khóa xe cắm sẵn ở ổ khóa còn anh Đ say rượu nằm ngủ trên lề đường

gần xe mô tô nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe bán lấy tiền tiêu xài và sử dụng ma túy. T lên lút mở khóa điện xe mô tô biển số 60B4-479.57 và điều khiển xe đến khu vực ngã tư Vũng Tàu, phường L, thành phố B tìm nơi tiêu thụ.

Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến cửa hàng mua bán xe cũ Tuấn A số 63, tổ 3, khu phố Bình Dương, phường L, thành phố B do anh Trần Văn S làm chủ để bán xe cho anh S. Nghi ngờ xe mô tô biển số 60B4-479.57 do trộm cắp mà có nên anh S đã trình báo Công an phường L bắt giữ T.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60B4-479.57. Quá trình điều tra đã làm rõ chiếc xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Phương L (vợ của anh Nguyễn Bá L) ngụ tại 203/6B, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Anh L cho anh Nguyễn Minh Đ mượn sử dụng và bị T chiếm đoạt. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 60B4-479.57 cho chị L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 464/TCKH-HĐĐG ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố B kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 60B4-479.57 trị giá 20.993.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba ngàn đồng)

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Phương L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 197/CT-VKSBH ngày 18/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017, tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo T mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T thừa nhận: Khoảng 04 giờ ngày 26/12/2018, T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60B4-479.59 của anh Nguyễn Minh Đ. Hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng đã mô tả.

[3] Theo bản kết luận định giá tài sản số 464/TCKH-HĐĐG ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận giá trị tài sản Trần Văn T chiếm đoạt trị giá 20.993.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần xử cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60B4-479.57. Quá trình điều tra đã làm rõ chiếc xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Phương L (vợ của anh Nguyễn Bá L) ngụ tại 203/6B, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Anh L cho anh Nguyễn Minh Đ mượn sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 60B4-479.57 cho chị L.

Vật chứng cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố B đã xử lý nên không đặt ra xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Trần Văn T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2018.

Về án phí: Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm hình sự xử công khai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ CA thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hải Thị Liễu